

Bản án số: 134/2023/HSST.

Ngày: 29-06-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Đức Hùng.

Bà Đào Thị Giang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2023/HSST ngày 31 tháng 05 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 06 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trương Ngọc S, sinh năm 1980 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc Q (chết) và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị giam giữ từ ngày 25/11/2022 đến ngày 20/12/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn do gia đình bảo lãnh. (Có mặt)

2. Lê Thị M, sinh năm 1990 tại Quảng Bình, nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T1 (chết) và bà Võ Thị T2; bị cáo có chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị giam giữ từ ngày 25/11/2022 đến ngày 20/12/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn do gia đình bảo lãnh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Bảo N, sinh năm 1998, địa chỉ: B, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Ngô Thọ H, sinh năm 1987, địa chỉ: khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 30/04/2022, chị Lê Bảo N gọi điện thoại hỏi vay Trương Ngọc S số tiền 50.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh thì S đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, S cùng Lê Thị M (vợ của S) đi đến nhà của chị N tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, S và M thỏa thuận cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 20%/tháng, tương đương 240%/năm, thời hạn vay là cho đến khi chị N trả hết gốc và lãi (không thỏa thuận thời hạn vay cụ thể). Mỗi tháng chị N phải trả cho S và M số tiền lãi là 10.000.000 đồng, việc trả lãi vào ngày 30 hàng tháng, hình thức trả lãi là chị N chuyển tiền vào số tài khoản 14799327 tại Ngân hàng A của S. Việc vay mượn được hai bên viết giấy ghi nhận nợ, tuy nhiên, S và M đã để thất lạc giấy ghi nhận nợ trên. Sau đó, S và M lấy lãi trước 01 tháng là 10.000.000 đồng nên chỉ đưa cho chị N số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn đóng lãi tiếp theo vào ngày 30/5/2022. Sau khi nhận tiền của S và M, từ ngày 30/5/2022 đến ngày 30/10/2022, chị N đã 05 lần đóng lãi thông qua số tài khoản của S với tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Tổng cộng, số tiền lãi S và M đã nhận của chị N là 49.000.000 đồng. Do chị N không có khả năng trả nợ nên S và M đã nhắn tin đòi nợ chị N nhiều lần. Đến ngày 24/11/2022, khi S và anh Ngô Thọ H đến nhà chị N để đòi tiền thì chị N báo Công an xã B, huyện T.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 6.700.000 đồng và 01 túi xách bên trong có 23.200.000 đồng thu giữ của Lê Thị M. Do không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho bị cáo M.

Tại Cáo trạng số: 145/CT-VKS-TB ngày 15 tháng 05 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Trương Ngọc S, Lê Thị M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc S, Lê Thị M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Ngọc S từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cáo Lê Thị M từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; biện pháp tư pháp: đề nghị Tòa án buộc bị cáo S và M nộp lại để sung công đôi với số tiền 5.644.000 đồng tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà S và M thu của chị N, đề nghị Tòa án buộc chị N nộp lại tịch thu sung công số tiền 50.000.000 đồng chị N vay của S và M, đề nghị Tòa án buộc S và M trả cho chị N số tiền 43.356.000 đồng S và M thu lợi bất chính từ việc cho chị N vay; buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trong cáo trạng, nội dung phân tích, luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa và không có ý kiến bào chữa gì thêm. Đồng thời, trong lời nói sau cùng, các bị cáo cũng đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng và làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về tính hợp pháp của các chứng cứ nên những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/4/2022 đến ngày 24/11/2022, Trương Ngọc S và Lê Thị M đã cho chị Lê Bảo N vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 240%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 43.356.000 đồng. Sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được cho vay với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng do muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính nên bị cáo cố ý hành động phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Trương Ngọc S và Lê Thị M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân. Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Trong đó, vai trò của từng bị cáo như sau:

[4.1] Trương Ngọc S là người trực tiếp thỏa thuận cho việc vay nợ với chị N, trực tiếp nhận tiền lãi thông qua tài khoản cá nhân tại ngân hàng và trực tiếp đi đòi nợ nên vai trò và hình phạt phải nghiêm khắc hơn bị cáo M. Cần thiết phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ làm hình phạt chính và hình phạt tiền làm hình phạt bổ sung mới đủ sức răn đe phòng ngừa tội phạm. Do bị cáo làm nghề tự do, không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập

trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[4.2] Lê Thị M là vợ của S, đi cùng với S đến nhà chị N để cùng thực hiện hành vi cho vay nặng lãi đối với chị N nên cũng phải có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi. Do đó, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo M cũng đủ sức răn đe phòng ngừa tội phạm.

[5] Đối với Ngô Thọ H có hành vi đi theo Trương Ngọc S đến nhà chị Lê Bảo N nhưng H không giúp sức cho S trong việc đòi nợ chị N, cũng không biết việc S và M cho chị N vay lãi nặng nên Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố đề xử lý.

[6] Về biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng mà chị N vay của bị cáo S và Mỹ: Đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên bị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền này chị N vẫn chưa trả được cho các bị cáo nên cần tịch thu từ Lê Bảo N để nộp Ngân sách nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 5.644.000 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (khoản 1 Điều 468) mà S và M thu của chị N: Đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội nên buộc bị cáo S và M liên đới nộp lại để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước. Trách nhiệm liên đới của mỗi bị cáo là như nhau.

[6.2] Đối với số tiền 43.356.000 đồng là khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (khoản 1 Điều 468) mà S và M thu của chị N: Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên buộc bị cáo S và M liên đới trả lại cho chị N. Trách nhiệm liên đới của mỗi bị cáo là như nhau.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về hành vi tố tụng, thẩm quyền tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Qua quá trình điều tra và truy tố, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc S phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao bị cáo Trương Ngọc S cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trương Ngọc S trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Phạt bổ sung bị cáo Trương Ngọc S 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ 5 (năm mươi triệu đồng).

3. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Trương Ngọc S và Lê Thị M liên đới nộp lại số tiền 5.644.000 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà S và M thu của chị N để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước. Trách nhiệm liên đới của mỗi bị cáo là như nhau.

- Buộc bị cáo Trương Ngọc S và Lê Thị M liên đới trả cho chị N số tiền 43.356.000 đồng S và M là số tiền thu lợi bất chính từ việc cho chị N vay. Trách nhiệm liên đới của mỗi bị cáo là như nhau.

- Buộc chị Lê Bảo N nộp lại số tiền 50.000.000 đồng là tiền gốc mà chị N vay của bị cáo S và M để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người liên quan;
- VKSND H.Trảng Bom;
- Công an H.Trảng Bom;
- Chi cục THADS H.Trảng Bom;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Đức H1 – Đ